

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ STECH VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ STECH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM STECH INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108429718

3. Ngày thành lập: 11/09/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 4 tòa nhà văn phòng Green Office – Meco Complex 102 Trường Trinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn quản trị nhân sự, tư vấn quản lý dự án, tư vấn đấu thầu,	7020
2.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
3.	Trồng cây ăn quả	0121
4.	Chăn nuôi khác Chi tiết: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ, bò sát, côn trùng; - Nuôi ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm.	0149
5.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
6.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
7.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
8.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
9.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
10.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
11.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
12.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
13.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
14.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
15.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
16.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075

17.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn ; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt ; - Sản xuất giấm ; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo ; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: bánh sandwich, bánh pizza. - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm ; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các loại trà được thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc lamã); - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumintrứng; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn iốt; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo.	1079
18.	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: - Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt (Theo Điều 17 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu); - Thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường (Theo Điều 31 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu).	3811
19.	Thu gom rác thải độc hại Chi tiết: - Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại (Theo Điều 8 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu	3812
20.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại Chi tiết: - Xử lý chất thải rắn sinh hoạt (Theo Điều 21, Điều 22 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu); - Xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (Theo Điều 32, Điều 33 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu).	3821
21.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
22.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

23.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định (Theo Điều 78 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi năm 2014 và Điều 5, Điều 6 Nghị định 110/2014/NĐ-CP quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa); - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng chuyên (Theo Điều 5, Điều 7 Nghị định 110/2014/NĐ-CP quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa); - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch (Theo Điều 5, Điều 8 Nghị định 110/2014/NĐ-CP quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa); - Kinh doanh vận tải hành khách ngang sông (Theo Điều 79 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi năm 2014 và Điều 5, Điều 9 Nghị định 110/2014/NĐ-CP quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa).	5021
24.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Theo Điều 5, Điều 10 Nghị định 110/2014/NĐ-CP quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa).	5022
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá.	5229
26.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại năm 2005).	8299
27.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ nội dung thông tin số;	6399
28.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm - Bán buôn phần mềm	4651
29.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
30.	Lập trình máy vi tính	6201(Chính)
31.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
32.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
33.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
34.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị công nghệ viễn thông, công nghệ thông tin	7730

35.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: - Cung cấp, lưu trữ và xử lý dữ liệu; - Dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng	6311
36.	Xuất bản phần mềm	5820
37.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý	4610
38.	Hoạt động viễn thông khác Dịch vụ truyền thông đa phương tiện, nội dung số; - Dịch vụ (viễn thông) giá trị gia tăng; - Dịch vụ ứng dụng internet trong viễn thông; - Đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông; - Hoạt động của các điểm truy cập internet; - Cung cấp trò chơi giải trí trực tuyến trên mạng thông tin di động, điện thoại cố định và internet;	6190
39.	Cổng thông tin Chi tiết: - Hoạt động điều hành các website sử dụng công cụ tìm kiếm để tạo lập và duy trì các cơ sở dữ liệu lớn các địa chỉ internet và nội dung theo một định dạng có thể tìm kiếm một cách dễ dàng. - Dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử - Trang thông tin điện tử trên Internet, mạng xã hội trực tuyến, ngoại trừ trang thông tin điện tử tổng hợp trên báo chí, PTTH, báo điện tử.	6312
40.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động dịch thuật	7490
41.	Quảng cáo (Trừ những ngành nghề nhà nước cấm)	7310
42.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

43.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên; - Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su...	4752
44.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định có xác định bến đi, bến đến với lịch trình, hành trình nhất định (Theo Điều 66 Luật giao thông đường bộ năm 2008 và Điều 4 Nghị định 86/2014/NĐ-CP về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô); - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi có lịch trình và hành trình theo yêu cầu của hành khách; cước tính theo đồng hồ tính tiền (Theo Điều 66 Luật giao thông đường bộ năm 2008 và Điều 6 Nghị định 86/2014/NĐ-CP về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô); - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng không theo tuyến cố định được thực hiện theo hợp đồng vận tải (Theo Điều 66 Luật giao thông đường bộ năm 2008 và Điều 7 Nghị định 86/2014/NĐ-CP về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô); - Kinh doanh vận tải khách du lịch theo tuyến, chương trình và địa điểm du lịch (Theo Điều 66 Luật giao thông đường bộ năm 2008 và Điều 8 Nghị định 86/2014/NĐ-CP về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô).	4932
45.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Theo Điều 9 Nghị định 86/2014/NĐ-CP về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4933
46.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương Theo Điều 4 Nghị định số 160/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển)	5011

47.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (Theo Điều 4 Nghị định số 160/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển)	5012
48.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
49.	Xây dựng nhà để ở	4101
50.	Xây dựng nhà không để ở	4102
51.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
52.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
53.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
54.	Xây dựng công trình thủy + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê	4291
55.	Xây dựng công trình khai khoáng - Các nhà máy lọc dầu - Các xưởng hóa chất	4292
56.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
57.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết:- Các công trình thể thao ngoài trời - Xây dựng đường hầm	4299
58.	Phá dỡ	4311
59.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
60.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
61.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329

62.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà, + Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, + Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
63.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ những ngành nghề nhà nước cấm, Trừ hoạt động đấu giá)	4620
64.	Bán buôn thực phẩm (Trừ những ngành nghề nhà nước cấm)	4632
65.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn quặng kim loại; - Bán buôn sắt, thép; - Bán buôn đồng, chì, nhôm, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: thỏi, thanh, tấm, lá, dải, dạng hình.	4662
66.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.	4669

67.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại Chi tiết: - Xử lý chất thải nguy hại (Theo Điều 9 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu)	3822
68.	Tái chế phế liệu Chi tiết: - Tái chế phế liệu kim loại; - Tái chế phế liệu phi kim loại; - Tái chế chất thải nguy hại (Theo Điều 9 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu); - Tái chế chất thải rắn sinh hoạt (Theo Điều 21 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu); - Tái chế chất thải rắn công nghiệp thông thường (Theo Điều 32 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu).	3830
69.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
70.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
71.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Theo khoản 1 Điều 30 Luật du lịch năm 2017); - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (Theo khoản 2 Điều 30 Luật du lịch năm 2017).	7912
72.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
73.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

6. Vốn điều lệ: 150.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BÙI ĐỨC LONG	Xóm 2 thôn La Mai, Xã Ninh Giang, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	4,000	164344066	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	4,000		
2	NGUYỄN VĂN YÊU	Phòng 2704, Tòa CT1B, số 609 Trương Định, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.150.000	61.500.000.000	41,000	B7196081	
			Tổng số	6.150.000	61.500.000.000	41,000		
3	LÊ VĂN ĐỒNG	TDP số 1, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.050.000	40.500.000.000	27,000	027074000112	
			Tổng số	4.050.000	40.500.000.000	27,000		
4	NGUYỄN HỮU HUY	505A – N06B1DA Dịch Vọng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	750.000	7.500.000.000	5,000	013579990	
			Tổng số	750.000	7.500.000.000	5,000		
5	NGUYỄN TIẾN TUẤN	P66 nhà A TT DKĐX, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.950.000	19.500.000.000	13,000	011857579	
			Tổng số	1.950.000	19.500.000.000	13,000		
6	HOÀNG THỊ KIM CƯỜNG	Thôn Lã Côi, Thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	750.000	7.500.000.000	5,000	001181010528	
			Tổng số	750.000	7.500.000.000	5,000		
7	NGUYỄN VĂN MINH	Số 66, Ngõ 8 Tập thể Gạch Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	750.000	7.500.000.000	5,000	013029288	
			Tổng số	750.000	7.500.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN YÊU

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 16/08/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: B7196081

Ngày cấp: 19/09/2012

Nơi cấp: *Cục quản lý xuất nhập cảnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Phòng 2704, Tòa CT1B, số 609 Trương Định, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 2704, Tòa CT1B, số 609 Trương Định, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

* Họ và tên: LÊ VĂN ĐỒNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 27/12/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 027074000112

Ngày cấp: 02/10/2017

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *TDP số 1, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *TDP số 1, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội